

PHỤ LỤC 1.4 - KHỐI 3

a. Học kì I (Năm học 2025 - 2026)

MÔN/ TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Từ ngày	08/9	15/9	22/9	29/9	06/10	13/10	20/10	27/10	03/11	10/11	17/11	24/11	01/12	08/12	15/12	22/12	29/12	05/01	
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tự nhiên xã hội	2	2	2	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	0	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	3	5	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán (BS)	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	15
Tiếng Việt (BS)	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	14
TNXH (BS)	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	14
Âm nhạc (BS)	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	14
CLB KNS & GD STEM	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	0	2	32
CLB TANN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16
Tổng số tiết /tuần	35	35	35	35	28	35	35	35	35	35	28	35	35	35	35	35	28	35	609

b. Học kì II (Năm học 2025 – 2026)

MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	Đệm	33	34	35	Tổng thời lượng
Từ ngày	12/01	19/01	26/01	02/02	09/02	23/02	02/3	09/3	16/3	23/3	30/3	06/4	13/4	20/4	27/4	04/5	11/5	18/5	
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	1	5	5	4	85
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	1	7	7	6	119
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	51
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17
Tự nhiên xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	34
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17
Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	4	4	3	68
Toán (BS)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Việt (BS)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH (BS)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	0	16
Âm nhạc (BS)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
CLB KNS & GD STEM	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	34
CLB TANN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17
Tổng số tiết /tuần	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	9	35	35	28	597